

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**  
Số: 05 /CPTPV/2023

**I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm**

Tên tổ chức: **Công ty TNHH Cà Phê Trà Phương Vy**  
Địa chỉ: 432A Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.  
Điện thoại: (84.28) 3899 7156 – (84.28) 3899 0603  
Fax: (84.28) 3899 7848  
E-mail: [contact@phuongvycoffee.com](mailto:contact@phuongvycoffee.com)  
Mã số doanh nghiệp: 0310553942  
Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 5592/2022/BQLATTP-HCM  
Ngày Cấp: 02/11/2022  
Nơi cấp: Ban quản lý an toàn thực phẩm thành phố Hồ Chí Minh.

**II. Thông tin về sản phẩm.**

**1. Tên sản phẩm: Cà phê Buôn Mê Thuật Moka**

**2. Thành phần:** Cà phê Moka (90%), đậu nành, bơ, màu tổng hợp: caramen (INS 150d), hương cà phê tổng hợp, muối.

**3. Thời hạn sử dụng sản phẩm..**

18 tháng kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất và hạn sử dụng in trên bao bì.

**4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì.**

- Quy cách đóng gói: Khối lượng tịnh: 500 g hoặc theo yêu cầu của khách hàng và ghi rõ trên nhãn hàng hóa.
- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng gói trong bao bì màng ghép phức hợp, có lớp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm bằng nhựa PE. Bao bì đạt yêu cầu vật liệu bao bì chứa đựng thực phẩm.

**5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất).**

Chi nhánh Công ty TNHH Cà Phê Trà Phương Vy  
Số 12, Đường số 15, Khu Công Nghiệp Việt Nam - Singapore II-A, Phường Vĩnh Tân, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.  
Chi nhánh được chứng nhận Hệ thống an toàn thực phẩm FSSC 22000.

**III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)**

**IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm.**

Tổ chức kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số: 8-1:2011/BYT Đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm (mục 2.4)
- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số: 8-2:2011/BYT Đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm (mục 1.10, 2.22, 3.28 và 4.7)
- Thông tư số: 50/2016/TT-BYT Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành.

- Tiêu chuẩn của nhà sản xuất

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 05 năm 2023

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

(Ký tên, đóng dấu)



**Trần Thị Bích Lan**

**PHỤ LỤC**  
**BẢN THÔNG TIN CHI TIẾT SẢN PHẨM**  
Đính kèm bản Tự công bố số: 05/CPTPV/2023

|                                              |                                  |                              |
|----------------------------------------------|----------------------------------|------------------------------|
| <b>CÔNG TY TNHH CÀ PHÊ<br/>TRÀ PHƯƠNG VY</b> | <b>NHÓM SẢN PHẨM: CÀ PHÊ</b>     | <b>SỐ TCB: 05/CPTPV/2023</b> |
|                                              | <b>CÀ PHÊ BUÔN MÊ THUẬT MOKA</b> | Có hiệu lực kể từ ngày ký    |

**1. Chỉ tiêu cảm quan.**

| STT | TÊN CHỈ TIÊU | YÊU CẦU                                                 |
|-----|--------------|---------------------------------------------------------|
| 1   | Màu sắc      | Màu nâu đặc trưng của sản phẩm                          |
| 2   | Mùi          | Mùi thơm đặc trưng của sản phẩm cà phê, không có mùi lạ |
| 3   | Vị           | Đặc trưng của sản phẩm                                  |
| 4   | Trạng thái   | Dạng bột, không vón cục                                 |
| 5   | Cà phê pha   | Có màu sắc nước và hương vị đặc trưng của sản phẩm      |

**2. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu.**

| STT | TÊN CHỈ TIÊU       | ĐVT          | MỨC CHẤT LƯỢNG |
|-----|--------------------|--------------|----------------|
| 1   | Độ ẩm              | % khối lượng | $\leq 5,0$     |
| 2   | Hàm lượng Caffeine | % khối lượng | $\geq 1,0$     |

**3. Chỉ tiêu kim loại nặng (Theo QCVN 8-2:2011/BYT).**

| STT | TÊN CHỈ TIÊU             | ĐVT    | MỨC CHẤT LƯỢNG |
|-----|--------------------------|--------|----------------|
| 1   | Hàm lượng Asen (As)      | mg/ kg | $\leq 1,0$     |
| 2   | Hàm lượng Cadimi (Cd)    | mg/ kg | $\leq 1,0$     |
| 3   | Hàm lượng Chì (Pb)       | mg/ kg | $\leq 2,0$     |
| 4   | Hàm lượng Thủy ngân (Hg) | mg/ kg | $\leq 0,05$    |

**4. Chỉ tiêu độc tố vi nấm (Theo QCVN 8-1:2011/BYT).**

| STT | TÊN CHỈ TIÊU           | ĐVT    | MỨC CHẤT LƯỢNG |
|-----|------------------------|--------|----------------|
| 1   | Hàm lượng Ochratoxin A | µg/ kg | $\leq 5,0$     |

**5. Chỉ tiêu vi sinh.**

Theo QCVN 8-3:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm, ban hành kèm theo Thông tư 05/2012/TT-BYT ngày 01 tháng 03 năm 2012 của Bộ Y tế và Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm, ban hành kèm theo quyết định 46/2007/QĐ-BYT ngày 19 tháng 12 năm 2007 của Bộ Y tế **không có quy định giới hạn vi sinh vật cho nhóm sản phẩm cà phê.**

**6. Chỉ tiêu dư lượng thuốc bảo vệ thực vật.**

Phù hợp với Thông tư 50/2016/TT-BYT Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 03 năm 2023

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

(Ký tên, đóng dấu)



**Trần Thị Bích Lan**

170mm

35

260mm

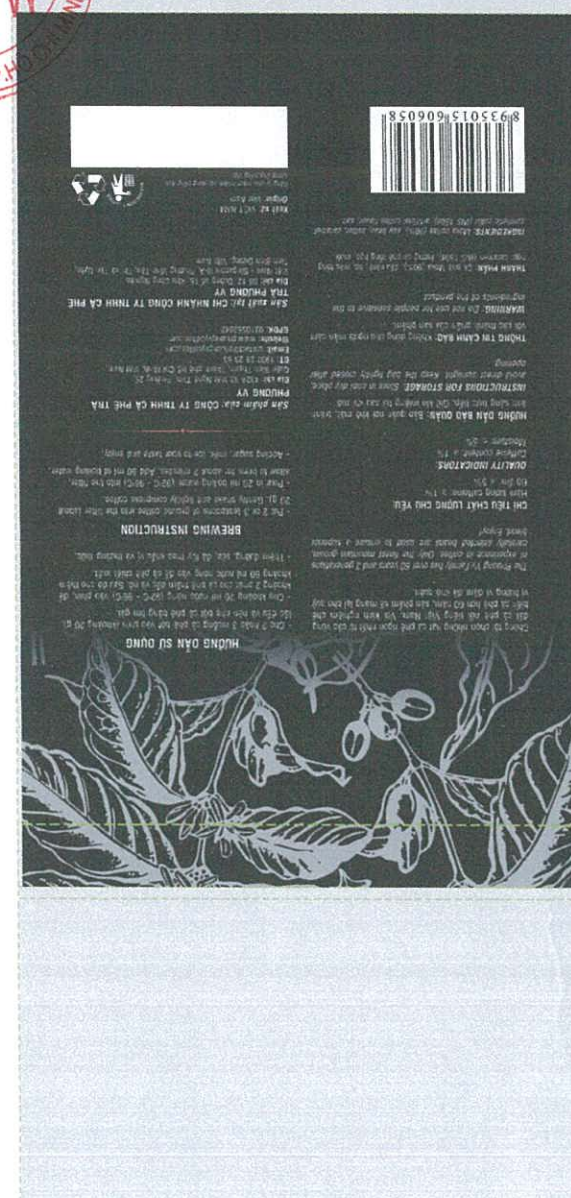
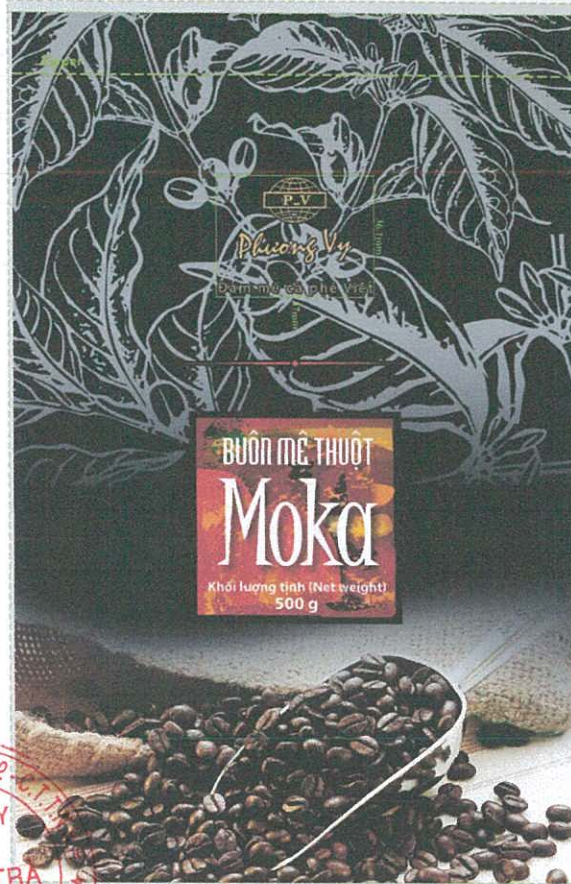
77

628mm

260mm

35

90mm



Handwritten signature

TEST REPORT  
BÁO CÁO THỬ NGHIỆM

Report No./ Số báo cáo:

23-41546-2

Revision: 00

Company/ Công ty:

PHUONG VY COFFEE TEA COMPANY LIMITED  
BRANCH OF PHUONG VY COFFEE TEA COMPANY LIMITED  
CÔNG TY TNHH CÀ PHÊ TRÀ PHƯƠNG VY  
CHI NHÁNH NHÀ MÁY CÔNG TY TNHH CÀ PHÊ TRÀ PHƯƠNG VY

Address/ Địa chỉ:

432A Xo Viet Nghe Tinh Street, Ward 25, Binh Thanh District, Ho Chi Minh City, Viet Nam.  
Factory: No.12, Street 15, Viet Nam Singapore II-A Industrial Park (Vsip II-A), Vinh Tan Ward,  
Tan Uyen Town, Binh Duong Province, Viet Nam.  
432A Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh  
Nhà Máy: Số 12, Đường Số 15, Khu Công Nghiệp Việt Nam – Singapore II-A, Phường Vĩnh Tân,  
Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.



Report Issued: 16-Feb-2023

BVAQ Reference: 23-41546

Sample(s) Received: 11-Feb-2023

Ngày phát hành báo cáo

Tham chiếu BVAQ

Ngày nhận mẫu

Testing Period/ Thời gian phân tích: 13-Feb-2023 to 16-Feb-2023

## Results - Kết quả

The testing results are valid on the sample(s) as received/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nhận được.

Customer Sample Name/ Tên mẫu: Cà phê Buôn Mê Thuột Moka

Lab ID: 23-41546-2

Sample Description/ Mô tả mẫu: Sample in bag/ Mẫu đựng trong túi

Sample Condition/ Tình trạng mẫu: Acceptable/ Chấp nhận

| Test<br>Chỉ tiêu                                     | Result<br>Kết quả                          | Unit<br>Đơn vị | Method<br>Phương pháp phân tích                              |
|------------------------------------------------------|--------------------------------------------|----------------|--------------------------------------------------------------|
| Ochratoxin A                                         | Not Detected/Không phát hiện<br>(MDL=0.5)  | µg/kg          | FLAB-FA-MTHD-010: 2021<br>(Ref. AOAC 2004.10)                |
| Tro không tan (Ash Insoluble)                        | Not Detected/Không phát hiện<br>(MDL=0.1)  | %              | FLAB-FC-MTHD-050: 2021<br>(Ref. AOAC 941.12 TCVN 7765: 2007) |
| Hàm lượng chất chiết trong nước<br>(Water Extract) * | 25.7                                       | %              | TCVN 5610: 2007                                              |
| Ẩm (Moisture)                                        | 1.51                                       | %              | FLAB-FC- MTHD- 014: 2021<br>(Ref. AOAC 950.46)               |
| Caffeine                                             | 1.248                                      | % m/m          | FLAB-FA-MTHD-019:2021<br>(Ref. ISO 20481:2008)               |
| Chì (Lead (Pb))                                      | Not Detected/Không phát hiện<br>(MDL=0.02) | mg/kg          | AOAC 2013.06                                                 |
| Cadimi (Cadmium (Cd))                                | Not Detected/Không phát hiện<br>(MDL=0.02) | mg/kg          | AOAC 2013.06                                                 |
| Asen (Arsenic (As))                                  | Not Detected/Không phát hiện<br>(MDL=0.01) | mg/kg          | AOAC 2013.06                                                 |
| Thủy ngân (Mercury (Hg))                             | Not Detected/Không phát hiện<br>(MDL=0.01) | mg/kg          | AOAC 2013.06                                                 |

MDL/ GHPH: Method Detection Limit/ Giới hạn phát hiện của phương pháp

MDL/ GHDL: Method Quantitation Limit/ Giới hạn định lượng của phương pháp

ND/ KPH: Not Detected/ Không phát hiện

\* Subcontracted test/ Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ

\* ISO 17025 not accredited/ Chỉ tiêu chưa được công nhận ISO 17025

Information provided by clients: company, address, samples names/

Thông tin do khách hàng cung cấp: công ty, địa chỉ, tên mẫu

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without prior written permission of the BVAQ company/ Không được trích sao một phần báo cáo thử nghiệm này mà không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty BVAQ.

If there are questions or concerns on this report, please contact:

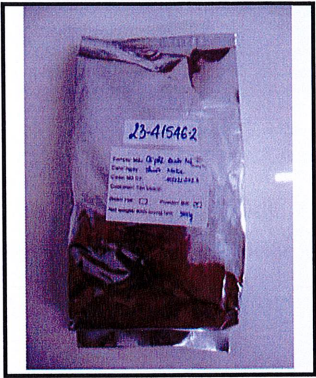
Khi khách hàng cần thêm thông tin về kết quả, xin vui lòng liên hệ:

Customer Service/ Bộ phận chăm sóc khách hàng:

Tel: (84-292) 3.888.678 - 3.888.779

Email: ctiab@bvaq.com

Photo of the submitted sample (if any)/ Hình ảnh mẫu phân tích (nếu có)



Remark/ Ghi chú: Nil/ Không

OPERATION MANAGER

NGUYEN DUY TIEN

BVAQ MANAGER



NGUYEN HIEP